TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 04/2019/QĐST-KDTM	*A, ngày 24 tháng 4 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH NGOÀI TÒA ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Bùi Duy Thạch

Thư ký phiên họp: Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên họp: Bà Trương Thị Thanh Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng mở phiên họp xét công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số: 12/2019/TLST-KDTM ngày 03 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định mở phiên họp số 05/2019/QĐST-KDTM ngày 18 tháng 4 năm 2019.

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:* + Ngân hàng NT Việt Nam; địa chỉ: Số X đường Y, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng NT Việt Nam: Bà Phạm Thị Hải Y, chức vụ: Phó trưởng phòng Khách hàng bán lẻ Ngân hàng NT Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (Văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 4 năm 2019); có mặt.

+ Ông Trần Đình L và bà Lê Thị T; đều có địa chỉ: Tổ dân phố X, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt tại phiên họp (có lời khai đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án, trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng NT Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), ông Trần Đình L và bà Lê Thị T với tư cách là người yêu cầu trình bày:

Ông Trần Đình L, bà Lê Thị T và Ngân hàng - Chi nhánh Hải Phòng có ký hợp đồng tín dụng theo hạn mức 200/2016/HĐTD-BĐS ngày 07 tháng 7 năm 2016 có nội dung Ngân hàng cấp cho ông Trần Đình L hạn mức vay tín dụng

2.100.000.000đồng bổ sung vốn lưu động để thanh toán tiền hàng; lãi suất cho vay 7,3%/năm.

Tài sản bảo đảm là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên thửa đất số 57, tờ bản đồ số 4, thị trấn A (địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố X, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0168249, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00245 do UBND huyện A cấp ngày 14 tháng 9 năm 1994 cho chủ sử dụng đất là ông Trần Đình L.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên thửa đất số 27C, tờ bản đồ số 9, xã A (địa chỉ thửa đất: Thôn V, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 408872, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 09030 do UBND huyện A cấp ngày 25 tháng 12 năm 2004 cho chủ sử dụng đất là bà Lê Thị T.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên thửa đất số 87, tờ bản đồ số 8, xã A (địa chỉ thửa đất: Xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 406901, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01649 do UBND huyện A cấp ngày 25 tháng 12 năm 2004 cho chủ sử dụng đất là bà Lê Thị T1.

Việc thế chấp tài sản đã được lập hợp đồng, được công chứng, chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Đình L đã được Ngân hàng giải ngân cho vay 2.100.000.000đồng nhưng do kinh doanh khó khăn, ông Trần Đình L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, các bên có liên quan đã phải bán tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên thửa đất số 87, tờ bản đồ số 8, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng để trả nợ cho Ngân hàng. Tính đến hết ngày 15 tháng 12 năm 2018, ông Trần Đình L còn nợ Ngân hàng 1.547.429.377 đồng; trong đó 1.352.883.718 đồng nợ gốc, 163.890.827 đồng lãi trong hạn và 30.654.832 đồng lãi quá hạn.

Ngày 01 tháng 4 năm 2019, tại Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án nhân dân huyện A, Ngân hàng và ông Trần Đình L, bà Lê Thị T đã thỏa thuận hòa giải thành và cùng có đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án với nội dung sau:

- Về số nợ: Tính đến hết ngày 15 tháng 12 năm 2018, ông Trần Đình L còn nợ Ngân hàng 1.547.429.377đồng; trong đó 1.352.883.718 đồng nợ gốc; 163.890.827 đồng lãi trong hạn và 30.654.832 đồng lãi quá hạn.

- Về số lãi phát sinh sau ngày 15 tháng 12 năm 2018: Kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2018, ông Trần Đình L phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 200/2016/HĐTD-BĐS ngày 07 tháng 7 năm 2016 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Trần Đình L phải trả cho ngân hàng 1.547.429.377đồng (trong đó 1.352.883.718 đồng nợ gốc; 163.890.827 đồng lãi

trong hạn và 30.654.832 đồng lãi quá hạn) và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Về thời hạn trả nợ: Chậm nhất đến ngày 15 tháng 6 năm 2019, ông Trần Đình L phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng toàn bộ số tiền 1.547.429.377 đồng (trong đó 1.352.883.718 đồng nợ gốc; 163.890.827 đồng lãi trong hạn và 30.654.832 đồng lãi quá hạn) và khoản tiền lãi phát sinh theo nội dung Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 200/2016/HĐTD-BĐS ngày 07 tháng 7 năm 2016 kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2018.

- Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp ông Trần Đình L vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên thửa đất số 57, tờ bản đồ số 4, thị trấn A (địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố X, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0168249, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00245 do UBND huyện An Hải (nay là An Dương) cấp ngày 14 tháng 9 năm 1994 cho chủ sử dụng đất là ông Trần Đình L và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên thửa đất số 27C, tờ bản đồ số 9, xã A (địa chỉ thửa đất: xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 408872, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 09030 do UBND huyện A cấp ngày 25 tháng 12 năm 2004 cho chủ sử dụng đất là bà Lê Thị T. Số tiền thu được từ việc phát mại tài sản được dùng để thanh toán cho toàn bộ khoản nợ của ông Trần Đình L, số tiền còn thừa sẽ được trả lại cho ông Trần Đình L và bà Lê Thị T.

Trường hợp sau khi phát mại tài sản bảo đảm mà không đủ để trả nợ cho Ngân hàng thì ông Trần Đình L có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

- Về lệ phí và tạm ứng lệ phí: Ngân hàng chịu cả lệ phí giải quyết việc dân sự.

Tại phiên họp, người yêu cầu là Ngân hàng giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2019 theo nội dung trên.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết yêu cầu của người yêu cầu: Đề nghị Tòa án căn cứ các điều 417, 419 Bộ luật Tố tụng dân sự: Chấp nhận đơn yêu cầu của Ngân hàng và ông Trần Đình L, bà Lê Thị T về việc đề nghị Tòa án công nhận kết quả hòa giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2019 tại Trung tâm hòa giải, đối thoại Tòa án huyện A. Ngân hàng phải chịu lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện Kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện A nhận định:

[1] Về việc tiến hành phiên họp vắng mặt đương sự: Ông Trần Đình L, bà Lê Thị T vắng mặt tại phiên họp nhưng đã có lời khai đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ việc vắng mặt ông Trần Đình L, bà Lê Thị T.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ việc: Đây là việc dân sự: "Yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án", nên theo quy định tại khoản 7, Điều 27; điểm s, khoản 2, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A.

[3] Xét yêu cầu của người yêu cầu: Các bên tham gia thỏa thuận hòa giải có đầy đủ thẩm quyền và năng lực hành vi dân sự; có quyền, nghĩa vụ đối với nội dung thỏa thuận hòa giải; nội dung thỏa thuận hòa giải thành của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, không nhằm trốn tránh nghĩa vụ với Nhà nước hoặc người thứ ba; các bên tham gia thỏa thuận hòa giải đều có đơn yêu cầu Tòa án công nhận kết quả thỏa thuận hòa giải nên thỏa thuận của các bên đương sự được Tòa án chấp nhận.

[4] Về lệ phí: Các đương sự đã thỏa thuận Ngân hàng chịu cả lệ phí việc dân sự nên Ngân hàng phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự để sung vào ngân sách Nhà nước.

Căn cứ khoản 6, Điều 31; điểm s, khoản 2, Điều 39; các điều 143, 149, 367; 369; 370, 417; 419 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 6; khoản 1, Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận kết quả hòa giải thành ngoài Tòa án thụ lý số 12/2019/TLST-KDTM ngày 03 tháng 4 năm 2019, cụ thể như sau:

- Về số nợ: Tính đến hết ngày 15 tháng 12 năm 2018, ông Trần Đình L còn nợ Ngân hàng NT Việt Nam 1.547.429.377đồng; trong đó 1.352.883.718 đồng nợ gốc; 163.890.827 đồng lãi trong hạn và 30.654.832 đồng lãi quá hạn.

- Về số lãi phát sinh sau ngày 15 tháng 12 năm 2018: Kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2018, ông Trần Đình L phải chịu khoản tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 200/2016/HĐTD-BĐS ngày 07 tháng 7 năm 2016 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Trần Đình L phải trả cho Ngân hàng NT Việt Nam 1.547.429.377đồng (trong đó 1.352.883.718 đồng nợ gốc; 163.890.827 đồng lãi trong hạn và 30.654.832 đồng lãi quá hạn) và khoản tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2018 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Về thời hạn trả nợ: Chậm nhất đến ngày 15 tháng 6 năm 2019, ông Trần Đình L phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng NT Việt Nam toàn bộ số tiền 1.547.429.377 đồng (trong đó 1.352.883.718 đồng nợ gốc; 163.890.827 đồng lãi

trong hạn và 30.654.832 đồng lãi quá hạn) và khoản tiền lãi phát sinh theo nội dung Hợp đồng tín dụng theo hạn mức số 200/2016/HĐTD-BĐS ngày 07 tháng 7 năm 2016 kể từ ngày 16 tháng 12 năm 2018.

- Về xử lý tài sản bảo đảm: Trường hợp ông Trần Đình L vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận nêu trên thì Ngân hàng NT Việt Nam có quyền đề nghị Cơ quan Thi hành án phát mại tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên thửa đất số 57, tờ bản đồ số 4, thị trấn A (địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố X, thị trấn A, huyện A, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0168249, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00245 do UBND huyện An Hải (nay là An Dương) cấp ngày 14 tháng 9 năm 1994 cho chủ sử dụng đất là ông Trần Đình L và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên thửa đất số 27C, tờ bản đồ số 9, xã A (địa chỉ thửa đất: xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 408872, số vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 09030 do UBND huyện A cấp ngày 25 tháng 12 năm 2004 cho chủ sử dụng đất là bà Lê Thị T. Số tiền thu được từ việc phát mại tài sản được dùng để thanh toán cho toàn bộ khoản nợ của ông Trần Đình L, số tiền còn thừa sẽ được trả lại cho ông Trần Đình L và bà Lê Thị T.

Trường hợp sau khi phát mại tài sản bảo đảm mà không đủ để trả nợ cho Ngân hàng NT Việt Nam thì ông Trần Đình L có trách nhiệm tiếp tục thanh toán số tiền còn thiếu.

Điều 2. Lệ phí: Ngân hàng NT Việt Nam phải chịu 300.000 đồng lệ phí việc dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước. Ngân hàng NT Việt Nam đã nộp số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 004163 ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nên không phải nộp nữa.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành ngay, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Điều 4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự; người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THA dân sự huyện A;
- Người yêu cầu;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN

Bùi Duy Thạch